TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 127/2024/QĐST-HNGĐ	*MS, ngày 22 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 182/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1994, và chị Lê Hải Y, sinh năm 1995, Nơi ĐKHKTT: Tiểu khu BM, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Anh Đỗ Văn D và chị Lê Hải Y kết hôn với nhau từ năm 2017. Việc kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La vào ngày 28/9/2017 (số 112) và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên có cãi vã. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn cho nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung.

Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai anh chị đều nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình cho ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh D, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh D và chị Y.

[2] Về con chung:

Anh D, chị Y có 01 con chung là cháu Đỗ Gia H sinh ngày 18/5/2019. Anh D, chị Y thống nhất giao cháu H cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi tháng là 1.500.000VNĐ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cho đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh, chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, người cấp dưỡng nên đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Y tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn D và chị Lê Hải Y nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Gia H sinh ngày 18/5/2019 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi tháng là 1.500.000VNĐ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cho đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Y được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Y tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002039 ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- UBND xã CN, huyện MS;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân